警察への通報（１１０番電話）

どろぼうや暴力の被害、交通事故にあったときは、警察署に 110番電話（局番なし、無料、24時間体制）してください。

110番電話

「110」に電話をして、

① 何が

② いつ

③ どこで

あったのかを話してください。

携帯電話から通報するときは、通報場所、携帯電話番号を必ず伝えてください。

住所がわからないときは、目印となる建物や目標物を伝えてください。通報後も電源を切らないでください。

交番

各地域には交番があり、警官がいます。

交番では、地域のパトロール、犯罪防止、家出人や落とし物の届出等を担当しています。

Gọi cảnh sát (gọi số 110)

Khi gặp các vấn đề như trộm cắp, phạm tội hoặc tai nạn giao thông, hãy gọi số 110 để báo cảnh sát (số điện thoại này gọi miễn phí, không cần mã vùng, thường trực 24 giờ).

Gọi số 110

Gọi số 110 và trình báo các thông tin sau:

① Xảy ra chuyện gì

② Xảy ra khi nào

③ Xảy ra ở đâu

Nếu gọi từ điện thoại di động, hãy nói vị trí bạn đang đứng và số điện thoại di động của bạn. Nếu bạn không biết địa chỉ, hãy mô tả tòa nhà, vật mốc có thể trở thành dấu hiệu nhận biết gần đó. Đừng tắt điện thoại của bạn sau khi gọi.

Đồn cảnh sát

Ở mỗi khu vực đều có đồn cảnh sát và cảnh sát. Nhiệm vụ của cảnh sát là tuần tra ở khu vực mình quản lý, ngăn chặn các loại tội phạm, xử lý các vụ như mất trộm tài sản, đánh rơi đồ, trả lại đồ đánh rơi.

忘れ物・落とし物をしたら

すぐに警察署か交番に届けましょう。クレジットカードやキャッシュカードなどをなくしたときは、急いで発行元に連絡し、第三者の利用を差し止めましょう。

運転免許証、健康保険証、在留カード、パスポートなどをなくしたときも、至急発行元に届け出てください。

乗り物の中でなくしたとき

次の所に問い合わせしてみましょう。

その際、行き先や時間、降りた所などわかれば探しやすくなります。

・電車：駅(又は駅員)

・バス、タクシー：会社の営業所

建物の中でなくしたとき

その建物の管理部署に問い合わせましょう。貴重品は警察に届けられますが、それ以外の物はしばらくの間、保管してくれていることがあります。

落とし物を拾ったら

なるべく早く近くの交番や警察署に届けます。乗り物内やデパートなどで拾ったときは、従業員に届けましょう。

Nếu quên hoặc đánh rơi đồ

Hãy lập tức đến trình báo tại đồn cảnh sát gần nhất. Nếu bạn bị mất thẻ ngân hàng hay thẻ tín dụng, hãy liên lạc với cơ quan cấp thẻ ngay lập tức để ngăn chặn người khác truy cập vào tài khoản của bạn.

Nếu bạn mất bằng lái xe, thẻ bảo hiểm y tế quốc dân, thẻ cư trú, hộ chiếu… hãy ngay lập tức liên lạc với nơi phát hành các giấy tờ đó.

Khi làm mất đồ trên phương tiện giao thông công cộng

Trình báo tại những địa điểm sau đây:

Khi đó nếu biết được nơi đến, thời gian hay địa điểm bạn xuống sẽ dễ tìm hơn

・Tàu điện: văn phòng nhà ga (hoặc nhân viên đường sắt)

・Xe buýt hoặc taxi: văn phòng của công ty

Khi làm mất đồ trong tòa nhà

Trình báo ở nơi quản lý tòa nhà. Những đồ đạc có giá trị được chuyển đến đồn cảnh sát, nhưng những đồ đạc khác đôi khi được lưu giữ tạm thời ở văn phòng của tòa nhà.

Nếu bạn nhặt được của rơi

Đem chúng đến đồn cảnh sát hoặc sở cảnh sát gần nhất càng sớm càng tốt. Nếu bạn nhặt được của rơi trên phương tiện giao thông, hoặc trong cửa hàng, hoặc nơi công cộng khác, hãy thông báo cho nhân viên ở đó.

交通事故

交通事故を起こしたとき

1. すぐに傷ついた人を手当てし、道路外など安全な場所へ移動します。けががひどい場合は、救急車（119番電話）を呼びましょう。
2. 警察（110番電話）へ連絡をして、指示を受けてください。
3. 加入している保険会社へ連絡します。連絡が遅くなると保険で処理ができなくなる場合があります。

交通事故の被害にあったとき

1. すぐに警察署に届けます。事故の届出がされていないと、保険金支払請求に必要な交通事故証明書が受けられないことがあります。
2. 運転していた人と、車の持ち主（運転していた人が車の所有者でない場合）の住所、氏名、車両番号、保険の加入年月日、保険会社名を確認します。
3. 大きなけがではなくても、症状が悪くなることがあるので、医師の診断をうけておきましょう。

Tai nạn giao thông

Nếu bạn gây ra tai nạn

1. Ngay lập tức đưa và chăm sóc người bị thương ở một nơi an toàn (ví dụ như bên lề đường). Gọi xe cứu thương nếu vết thương nặng (gọi số 119).

2. Liên lạc với cảnh sát (gọi số 110) và làm theo những chỉ dẫn của họ.

3. Liên lạc với công ty bảo hiểm của bạn. Cũng có trường hợp nếu liên lạc trễ sẽ không được bảo hiểm thanh toán.

Nếu bạn bị tai nạn

1. Trình báo với cảnh sát ngay lập tức. Điều này là cần thiết vì nếu không có các biên bản tai nạn được lập bởi cảnh sát, bạn sẽ không nhận được giấy chứng nhận bị tai nạn giao thông để nhận tiền bảo hiểm tai nạn.

2. Ghi lại tên, địa chỉ, công ty bảo hiểm và ngày tháng năm tham gia bảo hiểm của người lái xe (cả của người chủ chiếc xe nếu người lái không phải là chủ sở hữu xe) cũng như biển số đăng ký xe.

3. Lúc bị tai nạn có thể không bị thương nặng nhưng đôi khi tình trạng có thể trở nên nặng lên, nên vẫn phải đi khám bác sĩ.

救急車を呼ぶ（119番電話）

急病や大けがで、自分で病院に行けないときには、電話番号「119」（局番なし、無料、24時間体制）に電話をかけて、救急車を呼びます。

あわてず、落ち着いて、正確にすることが大切です。話がうまくできないときは、近くの人に頼みましょう。

119番電話

係が出たら、次の要領で、はっきり言いましょう。

1. 火事・救急のどちらかをはっきり言う。
2. 場所を知らせる。近くの目標物も教える。
3. 何が起こったかを知らせる。病人・けが人の様子や人数などの情報も正確に伝える。

Gọi xe cấp cứu (quay số 119)

Nếu bạn đột ngột bị ốm, hoặc bị thương mà không thể tự đến bệnh viện được, hãy gọi xe cứu thương bằng cách gọi số 119 (gọi miễn phí và không cần mã vùng, thường trực 24 tiếng.)

Quan trọng là hãy giữ bình tĩnh và nói rõ ràng. Nếu bạn nghĩ bạn không thể giao tiếp tốt được, hãy nhờ một người nào đó gần đấy giúp bạn gọi điện.

Gọi số 119

Nói rõ ràng,cung cấp cho người trực điện thoại các thông tin sau:

1. Bạn cần xe cứu thương hay cứu hỏa.

2. Địa điểm: Nếu bạn không biết địa chỉ, hãy mô tả cột mốc nào đó ở gần đấy.
3. Đã xảy ra chuyện gì: Thông báo chính xác số người bị thương và tình trạng bị thương của họ.

休日・夜間の診療

休日や夜間に急病人やけが人が出たときは、休日急患診療所や休日当番医で診療を受けることができます。

休日急患診療所

【岡山市】

◇岡山市休日急患歯科診療所

岡山市北区東中央町3-14

(旧市民病院別館1F)

TEL：086-225-8280

【倉敷市】

◇倉敷歯科衛生センター(休日のみ)

倉敷市昭和2-2-17

TEL：086-422-2122

【津山市】

◇津山歯科医療センター診療所

(休日のみ)

津山市沼6-15

TEL：0868-22-4021

【新見市】

◇新見市休日診療所

(内科・小児科)

新見市高尾2306-5

TEL：0867-72-0334

Khám bệnh khẩn cấp vào ngày nghỉ và ban đêm

Khi có người bị thương hoặc bị bệnh đột ngột vào ngày nghỉ hoặc ban đêm có thể đến khám ở các cơ sở khám bệnh cấp cứu ngày nghỉ hoặc các trung tâm y tế trực ban vào ngày nghỉ.

Cơ sở khám bệnh cấp cứu ngày nghỉ

(Ở thành phố Okayama)

・Phòng khám bệnh cấp cứu nha khoa vào ngày nghỉ của thành phố Okayama

Shimin Byouin Bekkan 1F

3-14, Higashi Chuocho, Kitaku, Okayama-shi

Số điện thoại:　086-225-8280

(Ở thành phố Kurashiki)

・Trung tâm vệ sinh, nha khoa thành phố Kurashiki (chỉ ngày nghỉ)

2-2-17 Showa, Kurashiki-shi

Số điện thoại: 086-422-2122

(Ở thành phố Tsuyama)

・Trung tâm ý tế nha khoa thành phố Tsuyama(chỉ ngày nghỉ)

6-15 Numa,Tsushima-shi

Số điện thoại:086-22-4021

(Ở thành phố Niimi)

・Phòng khám vào ngày nghỉ thành phố Niimi (Khoa Nội, khoa Nhi)

2306-5, Takao, Niimi-shi

Số điện thoại:　0867-72-0334

休日当番医

市町村の広報誌や新聞に、休日に診療を行う当番医の案内が載っています。

「岡山県災害・救急医療情報システム」のウェブサイトで岡山県内各地域の休日当番医や休日夜間急患診療所を調べることができます。

https://www.qq.pref.okayama.jp/

Trung tâm y tế trực ban vào ngày nghỉ

Trên các tờ báo, báo quảng cáo của mỗi vùng của thành phố sẽ có đăng thông tin hướng dẫn về các trung tâm y tế trực ban vào những ngày nghỉ.

Bạn có thể tìm thấy thông tin về các cơ sở khám bệnh, cấp cứu và trung tâm y tế trực ban vào ngày nghỉ của các khu vực trong tỉnh Okayama tại trang web của *Okayama-ken Saigai Kyuukyuu Iryou Jouhou Shisutemu* (“Hệ thống thông tin y tế cấp cứu và thảm họa tỉnh Okayama”) .

県内の主な救急告示病院

救急告示病院とは、主に重症の救急患者の診療にあたり、県から救急告示施設の認可をうけている医療機関です。

県内の主な救急告示病院で、外国語で診てもらえる診療科がある病院は、次のとおりです。病院を受診するときは、事前に電話などで確認してください。

Những bệnh viện cấp cứu chủ yếu của tỉnh Okayama

Bệnh viện cấp cứu là đơn vị y tế được chọn bởi tỉnh Okayama để điều trị cấp cứu cho các bệnh nhân bị nặng

Dưới đây là danh sách các bệnh viện cấp cứu chủ yếu được chọn trong tỉnh, có khoa khám bệnh bằng tiếng nước ngoài. Trước khi đến khám, hãy liên hệ xác nhận trước.

外国語対応ができる主な救急告示病院

Danh sách các bệnh viện cấp cứu có thể sử dụng tiếng nước ngoài.

N.B.：標榜診療科の略号説明 (Hướng dẫn viết tắt tên các khoa)

IM：内科　Khoa Nội、S：外科　Khoa Ngoại、P：小児科　Khoa Nhi、
OR：整形外科　Khoa chỉnh hình、O：その他　Khác

病院名 Tên bệnh viện bằng chữ Latin	所在地 Địa chỉ	標榜 診療科 Khoa	電話番号 Điện thoại	対応言語 Ngôn ngữ
岡山大学病院 Okayama Daigaku Byouin	岡山市北区鹿田町 2-5-1 2-5-1 Shikata-cho, Kita-ku,Okayama-shi	IM, S, P, OR, O	086-223-7151	英語 Tiếng Anh
	※他の言語については要事前連絡 Về ngôn ngữ khác cũng có thể liên lạc nếu có nhu cầu			
国立病院機構 岡山医療センター Okayama Iryou Senta	岡山市北区田益 1711-1 1711-1 Tamasu, Kita-ku,Okayama-shi	IM, S, P, OR, O	086-294-9911	英語、中国語 Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc
	平日、日中のみ※15：00 頃迄 ngày trong tuần, chỉ ban ngày, đến khoảng 15:00			
岡山赤十字病院 Okayama Sekijuuji Byouin	岡山市北区青江 2-1-1 2-1-1 Aoe Kita-ku, Okayama-shi	IM, S, P, OR, O	086-222-8811	英語 Tiếng Anh
岡山済生会総合病院 Okayama Saiseikai Sougou Byouin	岡山市北区国体町 2-25 2-25 Kokutai-cho, Kita-ku, Okayama-shi	IM, S, P, OR, O	086-252-2211	英語 Tiếng Anh
	電話による医療通訳サービス（15 か国語）利用可 Có thể sử dụng dịch vụ phiên dịch y tế (15 ngôn ngữ) thông qua điện thoại			
岡山済生会外来センター病院 Okayama Saiseikai Gairai Center Byôin	岡山市北区伊福町 1-17-18 1-17-18 Ifuku-cho, Kita-ku, Okayama-shi	IM, S, P, OR	086-252-2211	英語 English
	電話による医療通訳サービス（15 か国語）利用可 Có thể sử dụng dịch vụ phiên dịch y tế (15 ngôn ngữ) thông qua điện thoại			
心臓病センター榊原病院 Shinzobyo Center Sakakibara Byouin	岡山市北区中井町 2-5-1 2-5-1　Nakai-cho, Kita-ku,Okayama-shi	IM,S,OR,O	086-225-7111	英語 Tiếng Anh
佐藤病院 Satou Byouin	岡山市南区築港栄町 2-13 2-13　Chikkou Sakae-Machi Minami-ku, Okayama-shi	IM, S, OR,O	086-263-6622	英語、ドイツ語 Tiếng Anh, Tiếng Đức
セントラルシティ病院 Central City Byouin	岡山市南区築港栄町 19-30 19-30　Chikkou Sakae-Machi Minami-ku, Okayama-shi	IM, S,P, OR	086-264-3111	英語 Tiếng Anh

病院名 Tên bệnh viện bằng chữ Latin	所在地 Địa chỉ	標榜 診療科 Khoa	電話番号 Điện thoại	対応言語 Ngôn ngữ
重井医学研究所附属病院 Shigei Igaku Kenkyusho Fuzoku Byouin	岡山市南区山田 2117 2117 Yamada, Minami-ku,Okayama-shi	IM,S,P, O	086-282-5311	英語 Tiếng Anh
竜操整形外科病院 Ryuusou Seikei Geka Byouin	岡山市中区藤原 21-1 21-1 Fujiwara, Naka-ku, Okayama-shi	OR,O	086-273-1233	英語 Tiếng Anh
岡山旭東病院 Okayama Kyokutou Byouin	岡山市中区倉田 567-1 567-1 Kurata, Naka-ku,Okayama-shi	IM, OR,O	086-276-3231	英語、中国語 Tiếng Anh, Tiếng Trung
岡山協立病院 Okayama Kyoritsu Byouin	岡山市中区赤坂本町 8-10 8-10 Akasaka, Honmachi, Naka-ku, Okayama-shi	IM,P,S, OR,O	086-272-2121	英語 Tiếng Anh
岡山市立市民病院 Okayamashiritsu Shimin Byouin	岡山市北区北長瀬表町 3 丁目 20-1 3-20-1 Omote-cho, Kitanagase, Kita-ku, Okayama-shi	IM,P,S, OR,O	086-737-3000	英語 Tiếng Anh
岡村一心堂病院 Okamura Isshindou Byouin	岡山市東区西大寺南 2-1-7 2-1-7　Saidaiji Minami, Higashi-ku,Okayama-shi	IM, S, OR,O	086-942-9900	英語、中国語 Tiếng Anh , Tiếng Trung Quốc
福渡病院 Fukuwatari Byouin	岡山市北区建部町福渡 1000,1000 Fukuwatari Takebe-cho, Kita-ku, Okayama-shi	IM,S,OR,O	086-722-0525	英語 Tiếng Anh
中條歯科医院 Nakajou Shika Iin	瀬戸内市長船町土師 8-7 8-7 Haji, Osafune-cho, Setouchi-shi	O	0869-26-4874	英語 Tiếng Anh
きくち脳神経外科内科クリニック Kikuchi Nôshinkeigeka Clinic	岡山市中区関 436-7 436-7Seki Naka-ku,Okayama-shi	IM,S,P, OR,O	086-237-8585	英語 Tiếng Anh

病院名 Tên bệnh viện bằng chữ Latin	所在地 Địa chỉ	標榜診療科 Khoa	電話番号 Điện thoại	対応言語 Ngôn ngữ
倉敷中央病院 Kurashiki Chuuou Byouin	倉敷市美和 1-1-1 1-1-1 Miwa, Kurashiki-shi	IM, P, S, OR,O	086-422-0210	英語 Tiếng Anh
		17 言語対応の電話通訳サービスあり（24 時間 365 日）		Có dịch vụ phiên dịch cho 17 loại ngôn ngữ
倉敷紀念病院 Kurashiki Kinen Byouin	倉敷市中島 831 831 Nakashima, Kurashiki-shi	IM,S,OR,O	086-465-0011	英語、中国語 Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc
倉敷第一病院 Kurashiki Dai-ichi Byouin	倉敷市老松町 5-3-10 5-3-10 Oimatsu-cho, Kurashiki-shi	IM, S, OR,O	086-424-1000	英語 Tiếng Anh
		Không làm việc suốt 24h, xin vui lòng liên hệ		
倉敷成人病センター Kurashiki Seijinbyou Senta	倉敷市白楽町 250 250 Bakuro-cho, Kurashiki-shi	IM, P, S, OR, O	086-422-2111	英語 Tiếng Anh
水島協同病院 Mizushima Kyoudou Byouin	倉敷市水島南春日町 1-1 1-1 Mizushima Minami Kasuga-cho, Kurashiki-shi	IM, P, S, OR, O	086-444-3211	英語 Tiếng Anh
児島中央病院 Kojima Chuuou Byouin	倉敷市児島小川町 3685 3685 Kojima Ogawacho, Kursahiki-shi	IM, P, S, OR,O	086-472-1611	英語、中国語 Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc
水島中央病院 Mizushia Chuuou Byouin	倉敷市水島青葉町 4-5 4-5 Mizushima Aoba-cho, Kurashiki-shi	IM, P, S, OR,O	086-444-3311	英語 Tiếng Anh
水島第一病院 Mizushima Dai-ichi Byouin	倉敷市神田 2-3-33 2-3-33 Kanda, Kurashiki-shi	IM, S, OR,O	086-444-5333	英語 Tiếng Anh
玉島第一病院 Tamashima Dai-ichi Byouin	倉敷市玉島 1334-1 1334-1 Tamashima, Kurashiki-shi	IM, S, OR,O	086-526-5511	英語 Tiếng Anh

病院名 Tên bệnh viện bằng chữ Latin	所在地 Địa chỉ	標榜診療科 Khoa	電話番号 Điện thoại	対応言語 Ngôn ngữ
玉島協同病院 Tamashima Kyodou Byouin	倉敷市玉島柏島 5209-1 5209-1 Kashiwajima, Tamashima, Kurashiki-shi	IM,S,O	086-523- 1234	英語 Tiếng Anh
金光病院 Konkou Byouin	浅口市金光町占見新田 740 740 Urami Shinden Konkôcho, Asakuchi-shi	IM, P, S, OR,O	0865-42-3211	英語 Tiếng Anh
南岡山医療センター Minami Okayama Iryou Senta	都窪郡早島町早島 4066, 4066 Hayasima, Hayashima-cho, Tsukubo-gun	IM, P, S, OR,O	086-482-1121	英語 Tiếng Anh
笠岡市立市民病院 Kasaoka Shiritsu Shimin Byouin	笠岡市笠岡 5628-1 5628-1 Kasaoka Kasaoka-shi	IM, P, S, OR,O	0865-63-2191	英語 Tiếng Anh
笠岡第一病院 Kasaoka Dai-ichi Byouin	笠岡市横島 1945 1945 Yokoshima, Kasaoka-shi	IM, P, S, OR,O	0865-67-0211	英語 Tiếng Anh
薬師寺慈恵病院 Yakushiji Jikei Byouin	総社市総社 1-17-25 1-7-25 Soja, Soja-shi	IM, S, OR,O	0866-92-0146	英語 Tiếng Anh
高梁中央病院 Takahashi Chuuou Byouin	高梁市南町 53 53 Minami-machi, Takahashi-shi	IM, S,OR,O	0866-22-3636	英語 Tiếng Anh
高梁整形外科医院 Takahashi Seikeigeka Iin	高梁市本町 11-1 11-1 Hon-machi Takahashi-shi	OR	0866-22-1531	英語 Tiếng Anh
近藤病院 Kondou Byouin	真庭市勝山 1070 1070 Katsuyama, Maniwa-shi	IM, S,OR,O	0867-44-2671	英語 Tiếng Anh
津山中央病院 Tsuyama Chuuou Byouin	津山市川崎 1756 1756 Kawasaki, Tsuyama-shi	IM, P, S, OR,O	0868-21-8111	英語、中国語 Tiếng Anh Tiếng Trung Quốc
		他言語については事前連絡 Các thứ tiếng khác vui lòng liên hệ trước.		
矢掛町国民健康保険病院 Yakagecho Kokumin Kenkohoken Byouin	小田郡矢掛町矢掛 2695 2695 Yakage Yakage-cho, Oda-gun	IM,S OR.O	0866-82-1326	英語、中国語 Tiếng Anh Tiếng Trung Quốc

病院で役に立つ表現集　Những từ ngữ hữu ích sử dụng ở bệnh viện

Khi tìm bệnh viện	**Byouin o sagasu toki**	**病院をさがすとき**
・Xin hãy chỉ cho tôi biết bệnh viện gần đây có khoa ngoại	・Chikaku no geka no Byouin wo oshiete kudasai.	・近くの外科の病院を教えてください。
・Quầy tiếp tân ở đâu?	・Uketsuke wa doko desu ka?	・受付はどこですか。
Tại quầy tiếp tân	**Uketsuke de**	**受付で**
・Đây là lần đầu tiên tôi khám bệnh ở đây. (Tôi là bệnh nhân mới.)	・Kyou ga hajimete (shoshin) desu.	・今日が初めて(初診)です。
・Tôi không có hẹn trước. Tôi có thể được khám bệnh không?	・Yoyaku shite imasen ga mite moraemasu ka?	・予約していませんが診てもらえますか？
・Tôi muốn có cuộc hẹn.	・Yoyaku wo onegai shimasu.	・予約をお願いします。
・Mấy giờ thì phòng tiếp tân bắt đầu làm việc?	・Uketsuke wa nanji kara desu ka?	・受付は何時からですか。
・Tôi nên chờ ở đâu?	・Doko de mattara ii desu ka?	・どこで待ったらいいですか。
・Xin lỗi, chưa xong à?. (Tôi có phải đợi nữa không)	・Anou, mada deshou ka? (mada kakarimasu ka?)	・あのう、まだでしょうか？(まだかかりますか？)
・Tôi muốn có thuốc (đơn thuốc).	・Kusuri (Shohousen) wo kudasai.	・薬(処方箋)をください。
・Quầy tính tiền ở đâu?	・Kaikei wa doko desu ka?	・会計はどこですか？
・Hết bao nhiêu tiền?	・O-ikura desu ka?	・おいくらですか？
・Nhập viện	・nyuin	・入院

・Trả tiền	・kaikei	・会計
・Hồ sơ bệnh nhân	・karute	・カルテ
・Thẻ khám bệnh	・shinsatsu-ken	・診察券
・Phòng khám bệnh	・shinsatsu-shitsu	・診察室
・Đại tiện	・haiben	・排便
・Đi tiểu	・hainyou	・排尿
・Bảo hiểm	・hoken	・保険
・Thuốc	・kusuri	・薬
・Bệnh nhân ngoại trú	・gairai	・外来
・Quầy thuốc	・yakkyoku	・薬局
・Đơn thuốc	・shohousen	・処方箋
・Nhiệt độ cơ thể	・taion	・体温
・Kinh nguyệt	・gekkei, seiri	・月経、生理
・Triệu chứng	・shoujou	・症状
・Khoa da liễu	・hifu-ka	・皮膚科
・Khoa răng	・shi-ka	・歯科
・Khoa tiêu hóa	・shoukaki-ka	・消化器科
・Khoa tai-mũi-họng	・jibi-inkou-ka	・耳鼻咽喉科
・Khoa dạ dày-ruột	・ichoi-ka	・胃腸科
・Khoa sản	・san-fujin-ka	・産婦人科
・Khoa nội	・nai-ka	・内科
・Khoa phẫu thuật hàm mặt	・koukuu-ge-ka	・口腔外科
・Khoa mắt	・gan-ka	・眼科
・Khoa chỉnh hình	・seikei-ge-ka	・整形外科
・Khoa nhi	・shouni-ka	・小児科
・Khoa tâm thần	・seishin-ka	・精神科
・Khoa phẫu thuật tạo hình	・keisei-ge-ka	・形成外科
・Khoa ngoại	・ge-ka	・外科

Tại phòng khám bệnh	Shinsatsu-shitsu de	診察室で
・Tôi cảm thấy hơi khó chịu.	・Kibun ga warui desu.	・気分が悪いです。
・Tôi bị sốt.	・Netsu ga arimasu.	・熱があります。
・Tôi cảm thấy thân thể rã rời	・Karada ga darui desu.	・身体がだるいです。
・Tôi cảm thấy buồn nôn.	・Hakike ga arimasu.	・吐き気があります。
・Tôi nhức đầu lắm.	・Atama ga totemo itai desu.	・頭がとても痛いです。
・Thỉnh thoảng, tôi bị đau bụng.	・Onaka ga tokidoki itamimasu.	・おなかが時々痛みます。
・Tôi không thấy ngon miệng.	・Shokuyoku ga arimasen.	・食欲がありません。
・Tôi bị tiêu chảy.	・Geri o shite imasu.	・下痢をしています。
・Tôi dị ứng với trứng.	・Tamago no arerugî ga arimasu.	・卵のアレルギーがあります。

Triệu chứng	Shoujou	症状
・Thiếu máu	・hinketsu	・貧血
・Táo bón	・benpi	・便秘
・Ho	・seki	・咳
・Tiêu chảy	・geri	・下痢
・Chóng mặt	・memai	・めまい
・Huyết áp cao	・kou-ketsu atsu	・高血圧
・Đau	・itami	・痛み
・Đau buốt	・surudoi itami	・鋭い痛み
・Đau khi chạm vào	・sawaruto itai	・さわると痛い
・Đau nhói	・zukizuki-suru itami	・ずきずきする痛み
・Đau âm ỉ	・nibui itami	・鈍い痛み
・Đau phạm vi rộng	・hiroi itami	・広い痛み
・Đờm	・tan	・痰
・Thở gấp, hụt hơi	・ikigire	・息切れ

Thuốc/Chẩn đoán	Kusuri・Shinryou	薬・診療
・Kháng sinh	・kousei busshitsu	・抗生物質
・Thuốc ho	・seki-dome	・咳止め
・Thuốc súc miệng	・ugai	・うがい
・Thuốc giảm đau	・itami-dome	・痛み止め
・Khuôn bó bột thạch cao	・gipusu	・ギプス
・Tác dụng phụ	・fuku-sayou	・副作用
・Tiêm chủng,chích ngừa	・yobou-sesshu	・予防接種
・Tiêm	・chuusha	・注射
・Phẫu thuật	・shujutsu	・手術
・Hồi phục chức năng	・rihabiri	・リハビリ
・Chụp X quang	・rentogen	・レントゲン

消防車を呼ぶ（１１９番電話）

火事のときは、すぐに近所の人に「火事です」と知らせ、消防車を呼びます。
このとき、日本語で「火事です。場所は○○です。」と言えるようにしておきましょう。

あわてず、正確に

次の要領で「119」番（局番なし、無料、24時間体制）に電話しましょう。

1. 火事であることをはっきり知らせる。
2. 住所を正確に、詳しく知らせる。目標になる建物が近くにあればそれも伝える。
3. 何がどうしたかを正確に伝える。
4. 通報者の名前と電話番号を知らせる。

Gọi xe cứu hỏa (số 119)

Khi có đám cháy, lập tức thông báo cho những người xung quanh, (“*Kaji desu*”=“CHÁY”), sau đó gọi xe cứu hỏa.
Khi đó bạn sử dụng tiếng Nhật để thông báo có hỏa hoạn [*Kaji desu* (có cháy), *Basho wa* ____ *desu* (địa điểm là ____)].

Giữ bình tĩnh, nói rõ ràng

Quay số 119 (hoạt động 24 giờ, miễn phí, không cần mã vùng – số này cũng dùng để gọi xe cứu thương). Nói với người trực điện thoại các thông tin sau đây:

1. Thông báo có hỏa hoạn.
2. Thông báo chính xác địa chỉ (nếu có thể). Nói tên của tòa nhà khác trong vùng đó làm mốc để dễ nhận biết.
3. Thông báo chính xác “Cái gì” “đang bị như thế nào”.
4. Tên và số điện thoại của bạn.

地震にあったら

日本は、世界有数の地震国です。地震は、いつ発生するかわかりません。地震が発生したら特に次のことに注意してください。

1. まず、テーブルや机の下に身を隠しましょう。
2. 揺れが収まったら、コンロやストーブの火を止めましょう。
3. 窓や戸を開け、逃げ道を確保しましょう。
4. 火が出たら、消火器やバケツにくんだ水で小火 のうちに消しましょう。
5. 落ち着いて外へ出ましょう。瓦やガラスなどの落下物に注意しましょう。
6. 倒れやすいブロック塀、門柱、自動販売機には近づかないようにしましょう。
7. 余震や山・崖崩れ、津波に注意しましょう。
8. 市町村役場やラジオからの正しい情報を入手し、安全な場所へ逃げましょう。
9. 地震の発生に備えて、非常時持出品(p.20参照)を準備し、持ち出しやすいところに置いておきましょう。

Nếu gặp động đất

Nhật Bản là một quốc gia hay xảy ra động đất trên thế giới. Không thể biết được lúc nào sẽ xảy ra động đất.Nếu xảy ra động đất,hãy chú ý những điều dưới đây:

1. Trước hết,tự bảo vệ bản thân bằng cách nấp dưới 1 cái bàn
2. Khi tạm ngưng rung lắc do động đất,hãy tắt bếp lò, lò sưởi...
3. Mở sẵn cửa chính hay cửa sổ để đảm bảo đường thoát thân.
4. Nếu xuất hiện đám cháy,hãy nhanh chóng dập lửa bằng các dụng cụ dập lửa hoặc xô/chậu nước trước khi đám cháy lan rộng ra.
5. Bình tĩnh rời khỏi tòa nhà. Đề phòng ngói trên mái nhà và cửa kính rơi.
6. Tránh xa các bức tường gạch, máy bán hàng tự động, cột trụ và các vật khác mà có thể dễ bị đổ.
7. Chú ý các dư chấn, lở đất, lở núi và sóng thần
8. Lắng nghe các tin tức chính thống từ đài phát thanh của chính quyền thành phố hoặc đài địa phương để di chuyển đến nơi an toàn.
9. Chuẩn hộp dụng cụ cần thiết nhằm đối phó với động đất (xem trang 20), cất ở nơi dễ lấy

震度とマグニチュード

震度は「揺れる大きさ」です。いろいろなところで調べます。

震度１から震度７まであります。震度７は一番大きい地震です。

マグニチュードは、地震の大きさです。

地震の中心（震源）で調べます。

Độ rung lắc và độ magnitude

Độ rung lắc thể hiện mức độ rung lắc, được đo tại nhiều điểm khác nhau.

Cấp độ rung lắc từ 1 độ đến 7 độ. Động đất có độ rung lắc cấp 7 độ là đông đất mạnh nhất.

Độ magnitude là đơn vị đo độ lớn của động đất được đo tại tâm chấn của động đất.

震度３ rung cấp 3	家の中で、地震がわかります。食器が少し揺れます。 Có thể nhận biết khi ở trong nhà. Đĩa, chén bát lắc lư nhẹ.
震度４ rung cấp 4	揺れていることが家の中でわかります。 Có thể nhận biết rung lắc khi ở trong nhà.
震度５弱 rung cấp 5 thấp	みんな「危ない」と思います。皿や本が棚から落ちます。 Mọi người Cảm thấy nguy hiểm. Đĩa, chén bát, sách sẽ rơi khỏi kệ tủ.
震度５強 rung cấp 5 cao	みんな「怖い」と思います。家具が倒れます。 Mọi người cảm thấy sợ. Đồ đạc trong nhà bị đổ.
震度６弱 rung cấp 6 thấp	立つことができません。ドアが壊れて開きません。家具が倒れます。家が壊れます。 Không thể đứng được, cửa bị hỏng không mở được, đồ đạc trong nhà đổ vỡ, nhà bị hư hại.
震度６強 rung cấp 6 cao	立つことができません。家が倒れます。 Không thể đứng được, nhà bị đổ.
震度７ rung cấp 7	動くことができません。建物が壊れます。道路が壊れます。 Không thể di chuyển được, các công trình, nhà, đường xá bị hư hại.

台風・水害に備える

日本では、夏から秋にかけて台風が多く、地すべりや洪水の被害が出ることがあります。

台風が近づいたら、天気予報に注意し、登山･釣り・海水浴などは控えてください。

特に、次のことに気をつけましょう。

1. 停電に備えて懐中電灯や携帯ラジオを準備する。
2. 非常時持出品を用意する。(p.20参照)
3. 最寄りの避難場所・避難経路を確認する。気象情報に十分注意して、避難勧告や指示が出れば速やかに避難する。
4. 強風の時には外出しない。
5. 折れた電柱や垂れ下がった電線には近寄らない。

Chuẩn bị khi có bão và lũ lụt

Ở Nhật Bản, từ mùa hè đến mùa thu thường có nhiều bão, và gây ra lở đất và lũ lụt.

Khi bão đến gần, hãy chú ý các bản tin dự báo thời tiết, tránh các hoạt động ngoài trời như leo núi, câu cá, tắm biển vv..vv..

Đặc biệt,cần chú ý những điều sau:

1. Chuẩn bi đèn pin, và máy radio xách tay phòng khi bị mất điện.
2. Chuẩn bị đồ cần thiết đem theo phòng khi xảy ra thảm họa (xem trang 20)
3. Xác nhận nơi tị nàn gần nhất,đường đến chỗ tị nạn. Chú ý thông tin thời tiết và nhanh chóng sơ tán nếu có khuyến cáo hay chỉ thị sơ tán.
4. Không ra ngoài khi có gió giật mạnh.
5. Không được lại gần cột đèn đổ và dây điện bị đứt.

災害専用ダイヤル　　Các số điện thoại chuyên dụng khi thiên tai

地震や台風のとき電話はかかりにくくなる場合があります。災害が起きたとき災害専用ダイヤルを使って安否確認や家族、友達に連絡することができます。

Khi xảy ra động đất hay bão,điện thoại có thể sẽ khó gọi.Bạn có thể dùng số chuyên dụng khi xảy ra thiên tai để xác nhận an toàn và liên lạc với gia đình,bạn bè..

◆災害用伝言ダイヤル 171 Số dùng để lại lời nhắn khi thiên tai 171

メッセージを入れる「1711（自分の電話番号）」
Để lại lời nhắn:1711(số điện thoại của mình)

メッセージを聞く　「1712（相手の電話番号）」
Để nghe lời nhắn:1712(số điện thoại đối phương)

web171	https://www.web171.jp/
ドコモ docomo	http://dengon.docomo.ne.jp/top.cgi
au	http://dengon.ezweb.ne.jp/
ソフトバンク softbank	http://dengon.softbank.ne.jp/J
Y!mobile	http://www.ymobile.jp/service/dengon/
J-anpi	http://anpi.jp/top

非常時持ち出し品　Đồ mang theo khi xảy ra thảm họa

Check		
	逃げる時に持っていくもの、いつも準備しておくもの Đồ mang theo khi chạy ra ngoài,đồ luôn chuẩn bị sẵn sàng	
	食べるもの（非常食）	Đồ ăn (đồ ăn khi tị nạn)
	飲みもの（水など）	Đồ uống (vd:nước)
	懐中電灯	Đèn pin
	ヘルメット	Mũ bảo hiểm
	携帯電話の充電器	Sạc pin điện thoại
	着替え（服・下着・靴下）	Đồ thay (quần áo, đồ lót, tất)
	タオル	Khăn
	ﾄｲﾚｯﾄﾍﾟｰﾊﾟｰ・ﾃｨｯｼｭﾍﾟｰﾊﾟｰ	Giấy vệ sinh,tissue
	軍手	Găng tay
	マスク	Mặt nạ
	歯みがき	Bàn chải đánh rang
	ビニール袋	Túi bóng (túi nylong)
	台所用ラップ	Màng bọc thực phẩm
	わりばし(スプーン・フォーク)・紙皿・紙コップ	Đũa ăn liền (nĩa,thìa..) chén giấy,cốc giấy
	使い捨てｶｲﾛ（寒いとき）	Miếng dán ấm
	ラジオ	Đài radio
	ローソク・ライター	Nến, bật lửa
	はさみ・ナイフ	Kéo, dao
	筆記用具	Bút viết
	通帳・はんこ	Sổ ngân hàng, con dấu
	パスポート	Passport (hộ chiếu)
	在留カード	Thẻ cư trú
	お金	Tiền mặt
	いつも飲む薬	Các lại thuốc hay dùng

災害のときの日本語　Tiếng Nhật dùng khi xảy ra thảm họa

緊急　地震　速報 thông báo khẩn cấp động đất	これから強い揺れが来ます。危ないので注意してください。 Từ giờ sẽ xảy ra rung lắc mạnh, rất nguy hiểm nên hãy chú ý
余震 dư chấn	あとから来る地震（2回目、3回目…の地震） Những trận động đất tới sau (động đất lần 2,lần 3)
津波 sóng thần	とても大きくて速い波 Sóng rất to, có vận tốc rất lớn
倒壊する Đổ ngã	家や建物が壊れます。Nhà cửa bị đổ
警報 cảnh báo	災害が起きる前に危険を呼びかける強いお知らせ Là thông báo kêu gọi chú ý nguy hiểm,trước khi xảy ra thiên tai
警戒する cảnh giác	準備します。気をつけます。 Chuẩn bị,chú ý
安否を確認する Xác nhận an toàn	家族や友達がだいじょうぶか調べます。 Kiểm tra xem người thân và bạn bè có an toàn không
避難する tị nạn	逃げます。Chạy chốn
避難所 chỗ tị nạn	安全のためにみんなが集まるところ（学校・体育館・公民館など） Nơi an toàn cho mọi người tập trung (trường học, phòng thể thao, nhà sinh hoạt khu phố)
救援物資 Đồ cứu trợ	避難所でもらう食べ物や服など Đồ nhân được khi ở chỗ tị nạn như đồ ăn,quần áo
給水 cấp nước	水をもらうこと Nhận nước
配給 cấp phát	食べ物などが決まった時間に配られること Đồ ăn…được phát vào giờ quy định
炊き出し phát đồ ăn nấu được	避難所などで作った食べ物を配ります。 Phát đồ ăn nấu được ở nơi tị nạn

避難所を調べる　Tìm hiểu nơi tị nạn

地震や台風のときは、避難所（学校や公民館）へ逃げてください。避難所は家の近くにあります。避難所に食べ物、寝るところ、お知らせがあります。先に避難所の場所を調べておいてください。分からない時は、市役所や役場に聞いてください。

Khi xảy ra động đất, bão, hãy chạy đến nơi tị nạn (trường học, nhà chung khu phố…). Nơi tị nạn sẽ ở gần nhà. Ở đó có đồ ăn, chỗ ngủ, và thông tin. Vậy nên trước tiên hãy tìm hiểu về chỗ tị nạn. Nếu không biết, hãy hỏi cơ quan chính quyền nơi mình ở.

地図 Map　近くの避難所を調べて、書いておきましょう！ Tìm và viết tên địa điểm lánh nạn gần nhất

防災に役立つ情報　Thông tin hữu ích về phòng chống thảm họa

おかやま防災ポータル Okayama Portal Site for Disaster Prevention Web hướng dẫn về phòng chống thảm họa của okayama	（日本語、English、中文、한글、Tiếng Việt） (tiếng Nhật, tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn, Tiếng Việt) http://www.bousai.pref.okayama.jp/bousai/
岡山県 外国人住民のための防災ガイドブック Okayama Prefectural Government Disaster Prevention Guidebook for Foreign Residents Sách hướng dẫn phòng chống thiên tai, thảm họa cho người nước ngoài sống ở tỉnh Okayama	（English、中文、한글、 Português、） (Tiếng Anh, Trung, Hàn, Bồ Đào Nha) http://www.pref.okayama.jp/page/detail-31559.html
消防防災博物館 Phòng phòng chống thiên tai, hỏa hoạn.	防災パンフレット「地震に自信を」 Tờ rơi phòng chống thiên tai: “tự tin với động đất”. （English、中文、한글、 Português） Tiếng Anh, Trung, Hàn, Bồ Đào Nha http://www.bousaihaku.com/cgi-bin/hp/index2.cgi?ac1=B107&ac2&ac3=3907&Page=hpd2_view
総務省消防庁 Fire and Disaster Management Agency Sở cứu hỏa bộ tổng vụ	（日本語）http://www.fdma.go.jp/ tiếng Nhật （English）http://www.fdma.go.jp/en/ Tiếng Anh

気象庁 Japan Meteorological Agency Sở khí tượng	津波防災啓発ビデオ「津波からにげる」Video tuyên truyền phòng chống sóng thần” Chạy trốn sóng thần” （日本語、English） Tiếng Nhật,Anh http://www.jma.go.jp/jma/kishou/books/tsunami_dvd/
(一財)自治体国際化協会 CLAIR Hiệp hội quốc tế hóa CLAIR	多言語生活情報（15 か国語） Thông tin đa ngôn ngữ (15 quốc gia) http://www.clair.or.jp/tagengo/
NHK WORLD	視聴アプリ apply nghe nhìn http://www3.nhk.or.jp/nhkworld/ja/app/

防災メモ　Ghi chú phòng tránh thảm họa

名前 tên	消防・救急 119
国 nước	cứu hỏa,cứu thương
血液型nhóm máu　A　B　O　AB	警察 cảnh sát 110
ﾊﾟｽﾎﾟｰﾄ№ Số passport	
在留ｶｰﾄﾞ№ Số thẻ cư trú	災害用伝言ダイヤル Số dùng để lại lời nhắn khi thiên tai. 171
日本の住所 Địa chỉ ở Nhật TEL	
家族の名前 Tên người trong gia đình	災害のとき家族で会うところ Nơi gia đình sẽ hẹn nhau khi xảy ra thảm họa.
会社・学校など trường,công ty	
名前 Tên 住所 địa chỉ TEL	大使館・領事館 Đại sứ quán, lãnh sự quán.
日本の友達bạn bè người Nhật	役所 Địa chỉ
名前 tên 住所 địa chỉ TEL	
外国の連絡先 địa chỉ liên lạc nước ngoài	ガス gas
名前 tên 住所 địa chỉ TEL	電気 điện
	水道 nước

消費生活に関する相談サービス

商品やサービスに関する県民の苦情相談は、岡山県消費生活センターで受付、トラブルの解決のための助言やあっせんを行っています。（日本語で対応）

岡山県消費生活センター

【場所】
岡山市北区南方2-13-1
岡山県総合福祉・ﾎﾞﾗﾝﾃｨｱ・NPO会館きらめきプラザ 5F

TEL：086-226-0999

【相談日・受付時間】
火曜日～日曜日（祝日・年末年始を除く）　9:00～16:30

岡山県消費生活センター津山分室

【場所】
津山市山下53
岡山県美作県民局相談室内

TEL：0868-23-1247

【相談日・受付時間】
月曜日～金曜日（祝日、年末年始を除く）9:00～12:00、13:00～16:30

また、お住まいの市町村役場の担当課でも相談を受け付けます。
詳しくは、各市町村役場に問い合わせてください。（p.128参照）

Dịch vụ tư vấn tiêu dùng

Trung tâm tư vấn tiêu dùng tỉnh Okayama sẽ tiếp nhận các vấn đề liên quan đến hàng hóa và dịch vụ từ người dân ,đưa ra lời khuyên và giúp đỡ người dân giải quyết những rắc rối (bằng tiếng Nhật).

Trung tâm tiêu dùng tỉnh Okayama

【Địa chỉ】
Tầng 5F, *Okayama-ken Sougou Fukushi Borantia NPO Kaikan Kirameki-Plaza* (Tòa nhà phúc lợi, tình nguyện và NPO.)
2-13-1 Minamigata, Kitaku, Okayama-shi
Điện thoại:　086-226-0999

【Thời gian làm việc】
Thứ Ba đến Chủ Nhật (ngoại trừ ngày nghỉ và lễ Năm mới): 9:00～16:30

Trung tâm khách hàng tỉnh Okayama, chi nhánh Tsuyama

【Địa chỉ】
Văn phòng chi nhánh Mimasaka tỉnh Okayama (okayama ken,mimasaka kenmin kyoku Soudan sitsu nai)
53,Sange, Tsuyama-shi
Điện thoại:　0868-23-1247

【Thời gian làm việc】
Thứ Hai đến Thứ Sáu (ngoại trừ ngày nghỉ và lễ Năm mới): 9:00～12:00、13:00～16:30

Văn phòng chính quyền địa phương cũng có thể giúp bạn. Xin vui lòng liên lạc với các phòng liên quan để biết thêm chi tiết. (Xem phụ lục trang 128)

家庭・仕事の悩み、心・からだの相談サービス

岡山県男女共同参画推進センター（ウィズセンター）では、相談員が、さまざまな悩みごとに日本語で対応します。

総合相談

家庭や職場の悩みなど様々な相談に応じる一般相談と、弁護士による法律相談、医師によるこころの相談などの特別相談を行っています。（予約制、無料）

TEL：086-235-3310（直通）

◇相談員による一般相談
火曜日～土曜日（祝日・年末年始を除く）
9:30～17:00(受付は 16:30 まで)

◇ 弁護士 （法律相談） 第 2・4 金曜日（予約制）

◇ 医師 （こころの相談） 第 1・3 金曜日（予約制）

岡山県男女共同参画推進センター

【場所】岡山市北区南方 2-13-1 岡山県総合福祉・ボランティア・NPO会館「きらめきプラザ」6F

TEL：086-235-3307（代）

【開館時間】火曜日～土曜日 9:30～18:00
日曜日 9:30～17:00
（月曜日・祝日・年末年始を除く）

Dịch vụ tư vấn về gia đình và việc làm, sức khỏe tinh thần và thể chất

Nhân viên tư vấn ở Trung tâm xúc tiến hợp tác giữa các giới của tỉnh Okayama (cũng được biết như Trung tâm WITH) đưa ra lời khuyên (bằng tiếng Nhật) về những vấn đề lo lắng.

Tư vấn tổng hợp

Trung tâm WITH thực hiện tư vấn chung về những vấn đề liên quan đến gia đình và nơi làm việc, các tư vấn pháp luật với luật sư, tư vấn về tinh thần với bác sĩ (cần hẹn trước, miễn phí).

Điện thoại: 086-235-3310
(đường dây trực tiếp)

・Tư vấn chung
Thứ Ba đến thứ Bảy (ngoại trừ những ngày nghỉ và lễ Năm mới)
9:30～17:00 (lễ tân chỉ làm việc đến 16:30)

◇Luật sư <Tư vấn về pháp luật>
Thứ 6 tuần thứ 2 và thứ 4 hàng tháng (cần hẹn trước)

◇Bác sĩ (Tư vấn chăm sóc sức khỏe tinh thần)
Thứ 6 tuần thứ 1 và thứ 3 hàng tháng (cần hẹn trước)

Trung tâm xúc tiến sự hợp tác giữa các giới của tỉnh Okayama

【Địa chỉ】Tầng 6, Tòa nhà phúc lợi, tỉnh nguyện và NPO (Kirameki Plaza).
2-13-1 Minamigata, Kitaku ,Okayama-shi
Điện thoại: 086-235-3307（số đại diện）

【Giờ mở cửa】
Thứ Ba đến thứ Bảy: 9:30～18:00
Chủ nhật và ngày nghỉ: 9:30～17:00
(trừ thứ hai, ngày lễ, lễ năm mới)

AMDA国際医療情報センター（関西）

AMDA国際医療情報センターでは、在日外国人などからの医療に関する相談を電話で受け付けています。

【時間】月曜～金曜 9：00～17：00
【対応言語】英語、スペイン語、中国語
【相談電話】TEL：050-3598-7574

日系人相談センター

（公財）海外日系人協会の日系人相談センターでは、在日日系人などからの日常生活、仕事、在留資格などについて相談を受け付けています。

【時間】月曜～金曜 14：00～17：30
（土曜・日曜、祝祭日を除く）
【対応言語】ポルトガル語、スペイン語、日本語
【電話】TEL：045-211-1788（直通）
【訪問場所】横浜市中区新港2 丁目 3-1
JICA横浜内

JITCO研修生・技能実習生の母国語相談ホットライン

（公財）国際研修協力機構（JITCO）では、研修生・技能実習生からの相談を電話で受け付けています。

【対応言語と相談日】
・中国語、ベトナム語: 毎週火曜、木曜、土曜 11：00～19：00
・インドネシア語: 毎週火曜、土曜 11：00～19：00
・英語、フィリピン語: 毎週木曜 11：00～19：00
【電話】ﾌﾘｰﾀﾞｲﾔﾙ 0120-022332
一般電話03-4306-1111

Trung tâm thông tin y tế Quốc tế AMDA(khu vực Kansai)

Trung tân thông tin ý tế Quốc tế AMDA tiếp nhận tư vấn qua điện thoại liên quan đến y tế ,dành cho người nước ngoài sống tại Nhật.

【Thời gian】Thứ hai –Thứ sáu
9：00～17：00
【 Ngôn ngữ 】 Tiếng Anh,Tây Ban Nha,TiếngTrung
TEL：050-3598-7574

Trung tâm tư vấn cho người gốc Nhật

Trung tâm tư vấn cho người gốc Nhật của hiệp hội người gốc Nhật ở nước ngoài,nhận tư vấn về các vấn đề trong sinh hoạt hằng ngày,công việc,tư cách lưu trú ...,dành cho người gốc Nhật sống tại Nhật

【Thời gian】Thứ hai～thứ sáu 14：00～17：30（Trừ thứ bảy,chủ nhật,ngày lễ）
【Ngôn ngữ】Tiếng Bồ Đào Nha,Tây Ban Nha,tiếng Nhật
TEL：045-211-1788（直通）(trực tiếp)
【Địa chỉ】3-1 2choume shinkou naka-ku
Yokohama-shi
Trong JICA Yokohama

Hotline tư vấn theo ngôn ngứ mẹ để dành cho tu nghiệp sinh,thực tập sinh kĩ năng JITCO

Cơ quan hiệp lực tu nghiệp Quốc tế (JITCO),nhận điện thoại tư vấn dành cho tu nghiệp sinh, thực tập sinh kĩ năng.

【Ngôn ngữ và ngày tư vấn】
Tiếng Trung,tiếng Việt:
thứ ba, thứ năm, thứ bảy hàng tuần
11：00～19：00
Tiếng Indonesia:
Thứ ba,thứ 7 hàng tuần 11：00～19：00
Tiếng Anh,Philippin:
Thứ năm hàng tuần 11：00～19：00
TEL 0120-022332 (free dial)
03-4306-1111

外国人対象の無料相談サービス

外国人のための無料法律相談

（一財）岡山県国際交流協会が岡山弁護士会と共催で開催します（予約が必要）。岡山弁護士会の弁護士が法律の問題についてアドバイスをします。英語、中国語、ベトナム語他の通訳（無料）が必要な場合は、予約の際に申し込んでください。

【場所】 岡山国際交流センター

【時間】 5月から3月までの
毎月第1火曜日 13:00～16:00
毎月第3土曜日 10:00～13:00

【対応言語】 日本語、英語、中国語
ベトナム語、他

【費用】 無料

【相談時間】1時間

【予約】相談日の前日午後4時までに、岡山国際交流センター1F情報相談コーナーに来館または電話で予約をしてください。予約は日本語か英語のみ。

【問合せ・相談の予約】TEL：086-256-2914

法テラス多言語情報提供サービス

日本の法制度や弁護士会など関係機関を紹介します。

【受付】月曜～金曜 9：00～17：00

【電話】0570-078377

【対応言語】英語、中国語、ポルトガル語、スペイン語、韓国語、ベトナム語

Dịch vụ tư vấn miễn phí cho người nước ngoài

Tư vấn miễn phí về pháp luật cho người nước ngoài

Thực hiện bởi Hiệp hội giao lưu quốc tế tỉnh Okayama (OPIEF) và Hội luật sư Okayama (cần phải hẹn trước). Các luật sư sẽ đưa ra những lời khuyên liên quan đến các vấn đề về Luật. Nếu cần có người phiên dịch tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, Tiếng Việt (miễn phí), cần phải đặt hẹn trước.

【Địa điểm】 Trung tâm giao lưu quốc tế Okayama

【Thời gian】Trong khoảng thời gian từ tháng 5 đến tháng 3 (năm kế tiếp): Hàng tháng
Thứ Ba tuần đầu tiên: 13:00~16:00 và
Thứ Bảy tuần thứ ba : 10:00~13:00

【Ngôn ngữ】 tiếng Nhật, tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Việt.,và ngôn ngữ khác

【Chi phí】 Miễn phí

【Thời gian tư vấn】 Một tiếng đồng hồ.

【Đăng ký】 đăng ký bằng tiếng Nhật hoặc tiếng Anh trước 4 giờ chiều ngày hôm trước tại quầy tư vấn ở bàn Thông tin, tầng 1, Trung tâm giao lưu quốc tế Okayama hoặc gọi điện thoại.

【Hướng dẫn/ Đăng ký】 086-256-2914

Dịch vụ cung cấp thông tin đa ngôn ngữ về pháp luật Houterasu

Giới thiệu chế độ pháp luật của Nhật và các cơ quan liên quan như hội luật sư .

【Tiếp nhận】 Thứ 2～Thứ 6 9：00～17：00

【Điện thoại】 0570-078377

【Ngôn ngữ】 Tiếng Anh・Trung・Tây Ba Nha・Bồ Đào Nha・Hàn・Việt

岡山国際交流センター 情報相談コーナー

岡山県内の観光、生活、日本語教室やその他のいろいろな質問・相談に、（一財）岡山県国際交流協会の職員が日本語と英語で応えます。

【場所】 岡山国際交流センター1F

【時間】 月曜日～土曜日
9：00～17：00
（日曜日、12月29日～1月3日は休み）

【対応言語】 日本語、英語

【問合せ】 TEL：086-256-2914

外国人のための在留無料相談

行政書士が査証（ビザ）などで困ったことに幅広くアドバイスします。

◆岡山国際交流センター1F
情報相談コーナー

【時間】 毎月第1・第3土曜日10:00～12:00

【費用】 無料

【対応言語】 日本語

【問合せ】 TEL：086-256-2914

◆岡山市外国人総合相談窓口
（岡山市北区大供1-1-1）

【時間】 毎月第1・2火曜日 10:00～12:00
毎月第3・4火曜日 13:00～15:00

【費用】 無料

【対応言語】 日本語

【問合せ】
岡山行政書士グループ コスモス会

TEL：086-236-8070

Bàn thông tin ở Trung tâm giao lưu quốc tế Okayama

Nhân viên của Hiệp hội giao lưu quốc tế Tỉnh Okayama sẽ trả lời bằng tiếng Nhật và tiếng Anh những câu hỏi tư vấn liên quan đến các vấn đề về cuộc sống, du lịch ở Okayama và các lớp học tiếng Nhật…

【Địa điểm】 Trung tâm giao lưu quốc tế Okayama, tầng 1F.

【Thời gian】 từ Thứ Hai đến thứ Bảy, 9：00～17：00 (Nghỉ vào ngày Chủ nhật và từ ngày 29 tháng 12 đến mồng 3 tháng 1)

【Ngôn ngữ】 tiếng Nhật, tiếng Anh

【Hướng dẫn】 Điện thoại: 086-256-2914

Tư vấn miễn phí VISA cho người nước ngoài

Nhân viên từ Trung tâm dịch vụ thị thực Nhật Bản đưa ra lời khuyên về các vấn đề liên quan đến VISA.

◆Bàn thông tin tầng 1, Trung tâm giao lưu quốc tế Okayama

【Thời gian】
Thứ Bảy của tuần thứ nhất và tuần thứ ba hàng tháng, 10:00～12:00

【Chi phí】 Miễn phí

【Ngôn ngữ】 Tiếng Nhật

【Hướng dẫn】 Điện thoại: 086-256-2914

◆Quầy tư vấn tổng hợp dành cho người nước ngoài.
(Okayama- shi, Kita-ku,Daiku 1-1-1)

【Thời gian】 Hàng tháng
Thứ Ba tuần thứ hai 10:00~12:00
Thứ Ba tuần thứ tư 13:00~15:00

【Chi phí】 Miễn phí

【Ngôn ngữ】 Tiếng Nhật

【Hướng dẫn】
Hội Cosmos Nhóm luật sư Gyoseishoshi Okayama
Điện thoại: 086-236-8070

多言語相談

岡山在住の中国人、ブラジル人、フィリピン人、韓国人、ベトナム人の一般生活相談に応じます。

【場所】岡山国際交流センター1F

【時間】

・中国語・ポルトガル語

毎月第1・第3土曜日　13:00～17:00

毎月第2・第4水曜日　13:00～17:00

(年末年始はお休みです)

・タガログ語

毎月第3木曜日　10:00～14:00

毎月第1土曜日・第4水曜日13:00～17:00（電話相談のみ）

・韓国語

毎月第4水曜日　13:00～17:00

毎月第2水曜日13:00～17:00（電話相談のみ）

・ベトナム語

毎月第1・第3土曜日　13:00～17:00

【相談専用電話番号】

TEL：086-256-2913

(上記の相談日時のみ利用可能)

【問合せ・相談の予約】

TEL：086-256-2914

(日本語・英語のみ)

Tư vấn đa ngôn ngữ

Tư vấn các vấn đề về cuộc sống cho các cư dân người Trung Quốc, Brazil và Philippin, Hàn Quốc, Việt Nam ở Okayama

【Địa điểm】 Trung tâm giao lưu quốc tế Okayama, tầng 1F.

【Thời gian】

・Tiếng Trung Quốc, tiếng Bồ Đào Nha

Ngày thứ bảy của tuần thứ 1 và thứ 3 hàng tháng: 13:00～17:00

Ngày Thứ Tư của tuần thứ 2 và thứ 4 hàng tháng: 13:00～17:00

(Nghỉ những ngày cuối năm và đầu năm)

・Tiếng Tagalog

Ngày thứ năm của tuần thứ 3 hàng tháng: 10:00～14:00

Thứ 7 tuần thứ nhất, thứ 4 tuần thứ 4 hàng tháng: 13:00 ~ 17:00 (Chỉ tư vấn qua điện thoại)

・Tiếng Hàn Quốc

Thứ 4 tuần thứ 4: 13:00 ~ 17:00

Thứ 4 tuần thứ 2: 13:00~17:00 (Chỉ tư vấn qua điện thoại)

・Tiếng Việt

Thứ 7 tuần thứ 1 và thứ 3 hàng tháng: 13:00 ~ 17:00

【Số điện thoại dành riêng cho tư vấn】

Tel: 086-256-2913

(Chỉ sử dụng　các ngày và giờ đã đề cập ở trên)

【Liên lạc-Hẹn trước】

Tel 086-256-2914

(Chỉ tiếng Nhật và tiếng Anh)

通訳ボランティア(多文化共生コミュニケーションサポーター)派遣

(一財)岡山県国際交流協会では、学校や役場、行政機関、病院などに通訳ボランティア（多文化共生コミュニケーションサポーター）を派遣しています。費用は無料です。詳しくは下記へお問合せください。

【問合せ】

(一財) 岡山県国際交流協会

TEL：086-256-2914

（月曜～土曜9：00～17：00）

外国人のための無料相談電話「よりそいホットライン」

外国語による相談をどんな悩みでも受け付けています。通話料無料。

【利用方法】

① ﾌﾘｰﾀﾞｲﾔﾙ 0120-279-338 に電話する。

② 音声ガイダンスが流れた後に 2番（外国語による相談）を押す。

曜日・時間帯によって対応言語が異なります。

【対応言語・時間】

英語、中国語、韓国・朝鮮語、タイ語、タガログ語、スペイン語、ポルトガル語、ベトナム語、ネパール語、インドネシア語

https://www.facebook.com/yorisoi2foreigners

【相談時間】10：00～22：00

（社団）社会的包摂サポートセンター

http://279338.jp/yorisoi/foreign/

Phái cử tình nguyện viên phiên dịch(Hỗ trợ giao lưu đa văn hóa)

Hiệp hội giao lưu quốc tế tỉnh Okayama tiến hành phái cử miễn phí tình nguyện viên phiên dịch (hỗ trợ giao lưu đa ngôn ngữ) đến trường học, cơ quan hành chính, bênh viện…Chi tiết liên lạc đến địa chỉ sau:

【Địa chỉ tư vấn】

Hiệp hội giao lưu quốc tế tỉnh Okayama

TEL：086-256-2914

（thứ Hai ~ thứ Bảy 9：00～17：00）

Điên thoại tư vấn miễn phí cho người nước ngoài (yorisoi hotline)

Chúng tôi nhận mọi tư vấn bằng tiếng nước ngoài, miễn phí gọi điện

【Cách sử dụng】

① Điện thoại đến free dial 0120-279-338

② Sau đoạn hướng dẫn, bấm số 2 để kết nối với tư vấn bằng tiếng nước ngoài.

Tùy theo thứ và giờ gọi mà ngôn ngữ tư vấn sẽ khác nhau.

【Ngôn ngữ tư vấn và thời gian 】

Tiếng Anh, Trung, Hàn/Triều Tiên, Thái, Tacalog,Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha ,tiếng Việt, Nepal, Tiếng Indonesia

【Thời gian tư vấn】10：00～22：00

Trung tâm hỗ trợ xã hội

岡山市外国人市民の方の相談窓口

日常生活の相談や行政手続きの案内などの相談に応じます。

◆岡山市外国人総合相談窓口

【場所】岡山市役所本庁舎 1階
(岡山市北区大供1-1-1)

【時間】月曜～金曜 9：00～16：00
（祝日、12月29日～1月3日を除く）

【対応言語】英語・中国語・ベトナム語・韓国語

【問合せ】TEL：086-803-1128

E-mail：kokusaika@city.okayama.lg.jp

http://www.city.okayama.jp/shimin/kokusai/kokusai_00313.html

◆国際課

【場所】岡山市北区大供一丁目1-1
岡山市役所本庁舎 2階

【時間】月曜～金曜

9：00～12：00、13：00～17：00
（祝日、12月29日～1月3日を除く）

【対応言語】英語・中国語・韓国語

【問合せ】TEL：086-803-1112

◆友好交流サロン

【場所】岡山市北区幸町 10-16
西川アイプラザ 4階

【時間】火曜～金曜 10：00～20：00
土曜・日曜 10：00～18：00
［祝日（月曜と重なる場合は翌日も）、毎月第2日曜、12月28日～1月4日を除く］

【対応言語】英語・中国語・韓国語

【問合せ】TEL：086-234-5882

http://www.city.okayama.jp/shimin/kokusai/kokusai_s00030.html

Nơi tư vấn cho người nước ngoài sống ở thành phố Okayama

Nhận tư vấn về các vấn đề trong sinh hoạt hằng ngày và hướng dẫn các thủ tục hành chính.

◆ **Quầy tư vấn tổng hợp dành cho người nước ngoài.**

【Địa chỉ】: Tầng 1 Trụ sở chính Ủy ban tỉnh Tòa thị chính Okayama.
(Okayama- shi, Kita-ku,Daiku 1-1-1)

【Thời gian】Thứ Hai ~ Thứ Sáu: 9:00 ~ 16:00

【Ngôn ngữ】Tiếng Anh・Trung・Việt・Hàn

【Hướng dẫn】TEL：086-803-1128

E-mail：kokusaika@city.okayama.lg.jp

◆Phòng Quốc tế

【Địa chỉ】1-1-1 Daiku, Kita-ku,Okayama shi
Tầng 2 cơ quan chính quyền thành phố Okayama.

【Thời gian】:Thứ hai ~thứ sáu
9：00～12：00、13：00～17：00
(Trừ ngày lễ, trừ từ 29/12-3/1)

【Ngôn ngữ】Tiếng Anh,tiếng Trung,tiếng Hàn

【Liên lạc】TEL：086-803-1112

◆Salon giao lưu hữu nghị

【Địa chỉ】10-16 Saiwai-cho, Kita-ku Oakyama shi
Nishigawa Aiplaza, tầng 4

【Thời gian】Thứ ba~ thứ sáu
10：00～20：00
Thứ bảy＆Chủ nhật 10：00～18：00
［Trừ ngày lễ (nếu ngày lễ trùng với thứ hai thì ngày tiếp theo sau đó), nghỉ chủ nhật tuần thứ hai của tháng, nghỉ từ 28/12~4/1］

【Ngôn ngữ】:Tiếng Anh, tiếng Trung tiếng Hàn

【Liên lạc】TEL：086-234-5882